TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 261/2021/HNGĐ-ST
Ngày 31 tháng 12 năm 2021
V/v: "Tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Việt Thắng**

2. Bà **Nguyễn Huỳnh Hưỡng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Nga Muội** - Thư ký viên, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 329/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021 về việc: "Tranh chấp Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 360/2021/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 311/2021/QĐST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Bùi Ngọc B**, sinh năm 1983 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt), trú tại: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Ông **Từ Hoàng A**, sinh năm 1985 (vắng mặt), trú tại: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà **Bùi Ngọc B** trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Từ Hoàng A chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Hòa Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Trong cuộc sống bất đồng ý kiến, không có tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng cãi nhau và làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Hoàng A.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Từ Hoàng T, sinh ngày 10/01/2014 (giới tính nam) và Từ Thị Nhã K, sinh ngày 16/12/2015 (giới tính nữ). Hiện các cháu do bà trực tiếp nuôi dưỡng, khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K, còn cháu T có nguyện vọng sống với nguyên đơn thì nguyên đơn đồng ý nuôi dưỡng cháu T, yêu cầu ông Hoàng A phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, bà yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định và bảo lưu ý kiến như trình bày tại đơn khởi kiện.

- Đối với bị đơn ông **Từ Hoàng A**: Khi thụ lý, Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt, niêm yết đúng theo quy định, như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Các thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Giấy triệu tập; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông Hoàng A vắng mặt, không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được, do bị đơn vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án ghi nhận ý kiến cháu T có nguyện vọng được sống chung với nguyên đơn.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt, còn nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và bảo lưu ý kiến tại đơn khởi kiện và bản tự khai giao nộp cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Được xác định là "Tranh chấp về Ly hôn", đồng thời bị đơn có nơi cư trú tại Huyện Trần Văn Thời, nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Do, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, còn bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

[3] Bà B và ông Hoàng A tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân giữa ông, bà là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Bà B và ông Hoàng A chung sống với nhau không hạnh phúc, do bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chăm sóc đến nhau và không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình. Đối với bị đơn, Tòa án đã thông báo và triệu tập tham gia các phiên hòa giải nhằm giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn hạnh phúc gia đình, nhưng bị đơn vắng mặt không tham gia tố tụng, không có văn bản thể hiện ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, cho thấy bị đơn đã không quan tâm đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình với nguyên đơn.

[5] Theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và có nghĩa vụ chung sống với nhau.

[6] Xét, mâu thuẫn giữa bà B và ông Hoàng A đã trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu được ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn là phù hợp với Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Về con chung: Bà B và ông Hoàng A có 02 người con chung tên Từ Hoàng T, sinh ngày 10/01/2014 (giới tính nam) và Từ Thị Nhã K, sinh ngày 16/12/2015 (giới tính nữ), hiện các cháu do bà B trực tiếp nuôi dưỡng. Bà B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu, còn phía ông Hoàng A vắng mặt, không có cơ sở xem xét. Đối với cháu T có nguyện vọng được sống chung với bà B. Do đó, Hội đồng xét xử xét, vì lợi ích của con chung, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống và nguyện vọng của cháu T, nên cần giao các cháu cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[8] Về cấp dưỡng: Bà B yêu cầu ông Hoàng A phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, còn ông Hoàng A không có ý kiến phản đối nên không có cơ sở xem xét. Xét, theo quy định tại Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì "*Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con*", nên yêu cầu của bà B là có cơ sở chấp nhận; buộc ông Hoàng A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các cháu mỗi tháng số tiền 1.000.000 đồng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi theo quy định tại Điều 116; Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và hướng dẫn tại khoản 2, mục III - Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân tối cao. Thời điểm cấp dưỡng được tính kể từ ngày 31/12/2021.

[9] Về tài sản chung, nợ chung: Do, bị đơn vắng mặt, nguyên đơn không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[10] Về án phí: Do phía bà B thuộc đối tượng miễn dự nộp tạm ứng án phí nên không đặt ra xử lý, buộc ông Hoàng A phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng (chưa nộp).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 273; Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật thi

hành án dân sự năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Bùi Ngọc B được ly hôn với ông Từ Hoàng A.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Từ Hoàng T, sinh ngày 10/01/2014 (giới tính nam) và cháu Từ Thị Nhã K, sinh ngày 16/12/2015 (giới tính nữ), cho bà Bùi Ngọc B được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp, bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng: Buộc ông Từ Hoàng A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Từ Hoàng T, sinh ngày 10/01/2014 (giới tính nam) và cháu Từ Thị Nhã K, sinh ngày 16/12/2015 (giới tính nữ) với mỗi cháu số tiền 1.000.000 đồng/tháng, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng được tính kể từ ngày 31/12/2021. "Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không thi hành xong khoản tiền trên, người bị thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả".

4. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

5. Về án phí: Do bà Bùi Ngọc B thuộc đối tượng miễn dự nộp tạm ứng án phí nên không đặt ra xử lý, buộc ông Từ Hoàng A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng (chưa nộp).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều

6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Nguyên đơn; Bị đơn (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lâm Thành Quang